TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:108/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 17 - 9 - 2020
V/v: Ly hôn giữa
chị Q và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Trang;

Ông Trần Đình Phấn.

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: Bà Khổng Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2020/TLST – HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST – HNGĐ, ngày 18 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Q, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm 12, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm 12, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Chị Q, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 7 năm 2020 và lời khai trong quá trình

giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T kết hôn có tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 12/11/2010 tại UBND xã X. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh không chịu khó làm ăn lại ham mê cờ bạc, chị và gia đình khuyên bảo anh không sửa chữa. Anh chị ly thân từ cuối năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm không còn nên đề nghị ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Phương T sinh ngày 03/10/2011 và Trần Đăng P sinh ngày 25/9/2014. Hiện cả hai con đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nuôi cả hai con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Anh Trần Văn T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh không đến Tòa án làm việc. Bố đẻ anh là ông Trần Văn O xác nhận anh T và chị Q kết hôn tự nguyện tại UBND xã X, anh chị chung sống với gia đình ông một thời gian thì lên Hà nội làm ăn, lễ tết thì về nhà. Anh chị mâu thuẫn vì lý do gì ông không biết. Đầu năm 2020 chị Q có nói với ông là vợ chồng sống không hạnh phúc. Anh chị hiện đang sống ly thân, chị Q đã chuyển khẩu hai con về Thanh Hóa. Hôn nhân là việc riêng của anh chị tự quyết định. Về con chung đề nghị Tòa giải quyết theo pháp luật. Tòa án thông báo và giao văn bản ông đều thông báo cho anh T nhưng anh T không về làm việc vì đi làm ăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự chị Q chấp hành đúng pháp luật tố tụng, anh T không chấp hành nhưng Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp theo qui định của pháp luật. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị Q đối với anh Trần Văn T. Giao hai con cho chị nuôi, chấp nhận chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: anh T vắng mặt không có lý do chính đáng, chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Q và anh Trần Văn T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X nên là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, anh mải mê cờ bạc, không chăm lo cuộc sống gia đình, vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Nay chị Q xin ly hôn, anh T không về tham gia tố tụng mặc dù đã được gia đình thông báo, điều đó chứng tỏ anh không thiết tha đoàn tụ. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Q đối với anh Trần Văn T.

[3]. Về con chung: anh chị có hai con chung là Trần Thị Phương T sinh ngày 03/10/2011 và Trần Đăng P sinh ngày 25/9/2014. Hiện cả hai con đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nuôi cả hai con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị. Cháu Trần Thị Phương T có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy nên giao cả hai con cho chị nuôi, chấp nhận chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Bùi Thị Q phải nộp án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Bùi Thị Q và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung là Trần Thị Phương T sinh ngày 03/10/2011 và Trần Đăng P sinh ngày 25/9/2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Q phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0001793 ngày 27/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

4. Về quyền kháng cáo: chị Bùi Thị Q , anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh